In the contemporary era, which is ~~characted~~ characterized by rapid technological advancements and profound social shifts, the subject of [tp] has garnered significant attention from the ~~pb~~ public and professional alike. Although there is a prevailing school of thought suggesting that [1, 2], I am firmly convinced that prioritizing [quantum], is of paramount ~~Impoitan~~ importance. This essay will not only analyze the concrete evidence to substantiate this standpoint.

In the contemporary era, which is characterized by rapid technological advancement and profound social shifts, the subject of _____ has garnered significant attention from the public and ~~professional~~ ~~alike~~ professional alike. I am

In the contemporary era, which is ~~characted~~ characterized by rapid technological advancements and profound social shifts, the subject of [tp] has garnered significant attention from the ~~pb~~ public and professional alike. Although there is a prevailing school of thought suggesting that [4/ ~~sto~~], I am firmly convinced that prioritizing [generation], is of paramount ~~importa~~ importance. This essay will not only analyze ~~d~~ the concrete evidence to substantiate this standpoint.

In the contemporary era, which is characterized by rapid technological advancement and profound social shifts, the subject of _____ has garnered significant attention from the public and ~~professional~~ ~~alike~~ professional alike. I am

In the contemporary era, which is ~~characted~~ characterized by rapid technological advancements and profound social shifts, the subject of [top] has garnered significant attention from the ~~pb~~ public and professional alike. Although there is a prevailing school of thought suggesting that [~~is~~], I am firmly convinced that prioritizing [question], is of paramount ~~importance~~ importance. This essay will not only analyze the concrete evidence to substantiate this standpoint.

In the contemporary era, which is characterized by rapid technological advancement and profound social shifts, the subject of _____ has garnered significant attention from the public and ~~professional~~ alike professional alike.

I am

In the contemporary era, which is ~~characted~~ characterized by rapid technological advancements and profound social shifts, the subject of [topic] has garnered significant attention from the ~~pb~~ public and professional alike. Although there is a prevailing school of thought suggesting that [it is not], I am firmly convinced that prioritizing [question], is of paramount ~~importance~~ importance. This essay will not only analyze ~~the~~ the concrete evidence to substantiate this standpoint.

In the contemporary era, which is characterized by rapid technological advancement and profound social shifts, the subject of _____ has garnered significant attention from the public and ~~professional~~ ~~alike~~ professional alike. I am

— Sumary class, — function

↓

Embedding Text Cấp

Cái Vector và Rank

→ Function nào giúp gọi User story

Nhà

OK Nào!

Chap RAG → Roslyn

Tài liệu Digital Worker

→ CodeBert, Code Tb

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

A1 — Sumary class, — Function

B2

Embedding Tuy Cấp

Của Vector Và Rank

→ Function nhà giúp người Usek sử dụng

OK nhé!

Crap RAG → Poslyn

Tại làm Digital worker

→ Codebert, Code Tb

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

Dy) Posly → mě fa' Code
Vdáš lá' Code dlouhé
tě mego Usoustřeď

— Ich ka mě fa' → Embedy
Vrátí

— Model lá' 1 Obrá
+ Sama dýcho 1 hmmg
— Odoo ⊙ dím Chi

— Sumary class, — Tandar

↓

Embeding Tuỳ Cấp

Cái Vector Và Rank

→ Function mà giúp người User sáng tạo

OK mọi ý

Crap RAG → Poslyn

Tại làm Digital Worker

→ Codebert, Code Tb

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

— Sumary class, — function

↓

Embedding Text Cấp

Cắt vector và Rank

→ Function nào giúp người User search

OK Nào!

Crap RAG → Postgre

Tài liệu Digital worker

→ CodeBert, CodeT5

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

— Sumary class, — function

Embedding Tập Cấp

Cái vector và Rank

→ Function nào giúp gặp User story Nhất

O/C Nio 4j

Crap RAG → Poslyn

Tài liệu Digital worker

→ Codebert, Code Tb

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

— Summary class, — function

↓

Embedding Từ Cấp

Câu Vector Và Rank

→ Function mà giúp gặp User story

Nhiều

OK Nhỏ ;

CrapRAG → Postgrn

Tạo làm Digital worker

→ Codebert , Code Tb

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

— Sumary class, — Function

↓

Embedding Tập Cấp

Cái Vector Và Ram

→ Function nhà giúp gửi USER sang Nhà

OK Nào ;

Chap RAG → Postgrn

Tài liệu Digital Worker

→ Codebert , Codel Th

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

— Sumary class, — function

(1)

Embedding Tuỳ Cấp

Của Vector Và Raw

→ Function mà giúp người User sử dụng

O/C Nào ?

Crap RAG → Poslyn

Tài liệu Digital worker

→ CodeBert , Code Th

— AWS

— Amazon bedrock

— Modul

Accept : Chấp nhận
~~Ac~~apology : Lời xin lỗi
ask : Hỏi.
~~Convenion~~
Convenien : Sự thuận tiện
propose : Đề nghị
employee : nhân viên
attend : Tham dự
Contact : Liên lạc
visit : Thăm
agree : Đồng ý
need : Cần.
Interest : Mối quan tâm.
aplice : Nộp đơn, tìm việc
establishment : Thiết lập
partnership : Đối tác.
Director : Giám đốc.
govement. : Chính phủ.

Accept : Chấp nhận
apology : Lời xin lỗi

ask : Hỏi.

~~Convenion~~
convenien : Sự thuận tiện

propose : Đề nghị
employee : nhân viên

attend : Tham dự

Contact : Liên Lạc

visit : Thăm

agree : Đồng ý

need : Cần.

Interest : Mối quan Tâm.

aplice : Nộp đơn, xin việc

establishment : Thiết Lập

partnership : Đối tác.

Director : Giám đốc.

govement. : Chính phủ.

Accept : Chấp nhận
~~Ac~~apology : Lời xin lỗi

ask : Hỏi.
~~Convenion~~
Convenien : Sự thuận tiện

propose : Đề nghị
employee : nhân viên

attend : Tham dự

Contact : Liên Lạc

visit : Thăm

agree : đồng ý

need : Cần.

Interest : Mối quan Tâm.

aplice : Nộp đơn, xin việc

establishment : Thiết Lập

partnership : Hợp tác.

Director : Giám đốc.

govement. : Chính phủ.

order : ra lệnh, đặt (hàng)

Submit : Nộp (bài), đệ trình.

document : tài liệu.

deliver : phân phát. (giao hàng)

raise : nêu lên, đặt câu hỏi.

Implement : thi hành.

receive : nhận, ~~recp~~ recept (hóa đơn)

write : viết.

notify : thông báo, notification

Introduce : giới thiệu

work : việc làm.

accommodate : cung cấp, có khả năng cung cấp.

explain : giải thích.

choose : chọn lựa, choice :

order : ra lệnh, đặt (hàng)

Submit : Nộp (bài), đệ trình.

document : tài liệu.

deliver : phân phát. (gửi hàng)

raise : nêu lên, đặt câu hỏi.

Implement : Thi hành.

receive : nhận, ~~recep~~ recept tiếp đón

write : Viết.

notify : Thông báo, notification

Introduce : giới thiệu

work : Việc làm.

accommodate : Cung cấp, có chỗ ở cung cấp.

explain : giải thích.

choose : chọn lựa, choice.

Accept : Chấp nhận
~~Ac~~apology : Lời xin lỗi
ask : Hỏi.
~~Convenion~~
Convenien : Sự thuận tiện
propose : Đề nghị
employee : nhân viên
attend : Tham dự
Contact : Liên Lạc
visit : Thăm
agree : Đồng ý
need : Cần.
Interest : Mối quan Tâm.
aplice : Nộp đơn, tìm việc
establishment : Thiết Lập
partnership : Đối tác.
Director : Giám đốc.
govement. : Chính phủ.

品 名: A5蜡笔小新B系列-蛋糕
货 号: 4719
规 格: 140*210mm
执行标准: QB/T 1438

6 954949 614719

MADE IN CHINA

1 C
2 A
3 E
4 B
5 D
6 B
7 B
8 B
9 B
10 A
11 B
12 C
13 A
14 A
15 D
16 B
17 B
18 A

19 B
20 A
21 A
22 C
23 D
24 C
25 D
26 C
27 A
28 ~~A~~ D
29 A
30 D
31 B
32 A
33 D
34 ~~D~~ C

plcm
35 ~~A~~ B
36 C
37 ~~B~~ B ~~D~~
38 A
39 E
40 D
41 D
42 C
43 B
44 C
45 B
46 E
47 B
48 E
49 C
50 C

- Cấu trúc Nối liên từ: (and, because)
Tôi Play LQ And play Free Fire.

- Mệnh đề Quan hệ
S + V + O + (Đại từ quan hệ) + S + V + O
which

- Áp Dụng Phân từ: $S_1 + V_1$, V_ing
Dùng nối câu

A chọc B, B đánh A
=> A chọc B, B ing đánh A

- Not only ... but also:
S1 not only + V1, but also + V2:
Không Mà Còn:
Dùng như And: As well as.

— Cấu trúc Nối liên từ? (and, because)
Tôi Play LOL And play Free Fire.

— Mệnh đề Quan hệ
S + V + O + (Đại từ quan hệ) + S + V + O
which.

— Áp Dụng Phân từ: $S_1 + V_1$, V_ing
Dùng nối câu

A chọc B, B đánh A
=> A chọc B, B ing đánh A

— Not only ... but also:
S_1 not only + V_1, but also + V_2:
K° chỉ Mà Còn:
Dùng như And: As well as.

Dự Posly → mã fai Code
→ dùng vài Code thuê
để map USB vào

— Sử Va Mô fỏ → Embedd
Vào

— Mình làm 1 Chơi
+ Source đi cho 1 người
thân chơi

— Odoo

- Câu trúc nối liên từ? (and, because)
Tôi Play UQ And play Free Fire.
- Mệnh đề Quan hệ
S + V + O + (Đại từ quan hệ) + S + V + O
which.
- Ấy Dụng Phân từ: $S_1 + V_1$, V-ing
Dùng nối câu
A chọc B, B đánh A
=> A chọc B, B đang đánh A
- Not only ... but also:
S1 not only + V1, but also + V2:
Không Nà Còn:
Dùng như And: As well as.

- Câu trúc Nối hình từ: (and, because)
Tôi Play LQ And play Free Fire.

- Mệnh đề Quan hệ
S + V + O + (đại từ quan hệ) + S + V + O
which

- Áp Dụng Nhóm từ: $S_1 + V_1$, V_ing
Dùng nối câu

A chọc B, B đánh A
=> A chọc B, B ứng đánh A

- Not only ... but also:
S1 not only + V1, but also + V2:
Không Nữa Còn:
Dùng như And: As well as.

Dù Posly → mở file Code
→ dùng vì Code thích
để map USB vào

— Sẽ ra mở file → Embedded
Vào

— Nhưng là 1 Class
+ Source đều cho 1 hàng
hàm chính

— Odoo

品 名: A5蜡笔小新B系列-蛋糕
货 号: 4719
规 格: 140*210mm
执行标准: QB/T 1438
6 954949 614719
MADE IN CHINA

品 名: A5蜡笔小新B系列-蛋糕
货 号: 4719
规 格: 140*210mm
执行标准: QB/T 1438

6 954949 614719
MADE IN CHINA

First of all, the most is Importane. Why I Support this idea is that _____ is very good for our live. To be more Specific, This is a very positive for everyone. If people pay attention ~~ma~~ this factor. They can get many great advantages. We can see that doing ~~that~~ not only helps peoples _____ but also helps them _____ easily. For example, In a famous Study Harvard University In America showed that _____ this is example Clearly Shows that _____ ~~This idea~~ is really nesessary and Wonderful for development Society.

_____ / _____ / _____ advantages

First of all, the most is Importane. Why I Support this idea is thad _____ is very good for our live. To be more Specific, This is a very positive for everyone. If people pay attention ~~ma~~ this factor. They can get many great advantages. We can see that doing that not only helps peoples _____ but also helps them _____ easily. For example, In a famous Study. Harvard University In America showed that _____ this is example clearly Shows that _____ ~~(this does)~~ is really nesessary and Wonderful for development Society.

advantages

Dù Rosly → mã fà Code
↳ đối với Code thuần
tác map USerstory

— Sử Ra Mã Số → Embedding
Vào

— Model là 1 Class
+ Source dữ Cho 1 hàng
hàm Chỉ

— Odoo

Dự Posly → mã fai Code
→ dùng vì Code thuần
để map usestag

— Sẽ ra mã fai → Embedd
vào

— Module và 1 Class
+ Same dữ cho 1 nhóm
thông chỉ

— Odoo

- Cấu trúc Nối Liên từ? (and, because)
Tôi Play LQ And play Free Fire.

- Mệnh đề Quan hệ
S + V + O + (Đại từ quan hệ) + S + V + O
which.

- Áp Dụng Phân từ: $S_1 + V_1$, V_ing
Dùng nối câu
A chọc B, B đánh A
=> A chọc B, B ấy đánh A

- Not only ... but also:
S_1 not only + V_1, but also + V_2:
K° chỉ Mà Còn:
Dùng như And: As well as.

Dự Posty → mã fai Code
→ dùng vì Code thì
tác map USB sẵn hàng

Sử Ra Mã Số → Embedd
Vào

Mudul là 1 Chức
+ Source dự cho 1 hàng
Hàm Chính

— Odoo

Dự Posly → mã fai Code
→ dùng vì Code thus
để mạp usésang

— Sử Va Mô fai → Embedd
Vào

— Module 1 1 Chính
+ Source đệ cho 1 nhóm
— Odoo ⊙ tàn chỉ

Model paddle OCR → Hệ sinh thái model trên được phát triển bởi Baidu

Dựa trên Deep Learning
- Paddle paddle.

Paddlepaddle (Parallel Distribution Deep Learning
Học sâu thông tin song song)

↓

Gồm 3 Small
(Phân Văn Bản
CRNN

Gồm 1: Text Detection (phát hiện văn bản)
2: Direction classifier. (phân loại hướng)
3: Text Recognition (Nhận diện văn bản)

Và tọa độ
Chữ tiếng Việ
HTML → chuyển về Word.

On the other hand, another thing that we need to consider carefully is. tai hui, this is a big serious problem that we cannot ignore. It affects many people in negative way. If we do not solve this problem soon. It will lead to bad results, thereby leading to tàn qué. So I think that the government and individual must work together to find solution for a issue. Therefore, It is true to say that ——— plays a role in our future.

1, Text Detection

Differentiable Binarization

— Thuật toán : DBNet (Different. Binarization)

— TESTR,

— DPText - DETR

— SwinText spotter

2, Direction Classifier (Phân loại Hướng)

— Xác định chữ có đúng hay K° có xoay Hay K°

Sử dụng kiến trúc MobileNet V3 small

3, Text Recognition. (nhận Diện văn Bản)

Thuật toán : SVTR or CRNN

PDF — PDF Searchable

— Dùng OCR để lấy - Chữ và tọa độ

— Dùng 1 thư viện để tập chữ lên VI trí cũ

— Edit - Chuyển Sang Mardown/HTML →

all, the most is Importane. Why I Support this idea
_____ is very good for our live. To be more
This is a very positive for everyone. If people play
ma this factor. They can get many great advantages.
See that doing that not only helps peoples _____
also helps them _____ easily. In a famous Study
University In America showed that _____ this is example
Shows that _____ ~~(this don't)~~ is really nesessary
nderful for development Society.

Convience
propose
Interest.
establishment
govement.
loise.
Implement:
accomodate
provide, supply.
explan
plan
plant.

Thuận Tiện, Tiện lợi
Lời đề nghị / Câu hỏi
Hứng thú, Mối quan tâm, Lãi
Cơ sở, Thiết lập, Tổ chức
Chính phủ
Đặc Câu Hỏi.
Thi Hành, Triển Khai
Cung Cấp
Giải thích.
Kế hoạch
Cải Cách

Convience store: Thuận tiện
Đề nghị
Propose you: Tôi Đề Cử Hàng Tiện lợi
Interest learning English: Tôi Hứng thú
Hứng Thú
Học Tiếng Anh
Establishment. Ta 1999: FPT thành lập
Establishment FPTU: Tổ Chức FPTU
Năm 1999

Convience

propose

Interest

establishment

govement

raise

Implement:

accomodate

provide, supply

explain

plan

plant

phát câu hỏi

Thuận Tiện, Hiểu lợi

Lời đề nghị, Cầu Hoà

Hứng thú Mối quan Tâm, Lãi

Cơ sở, Thiết Lập, Tổ Chức

Chính phủ

Đưa Câu Hỏi

Thi Hành, Thiển Khai

Cung Cấp

Giải thích

Kế hoạch

Cài Cắm

Convience store: Thuận tiện

Đề nghị: Đề Cử Hãy Tiện lợi

propose you: Tôi Cầu Hỏi Bạn

quan tâm

Interest Learning English: Tôi Hứng thú

Hứng Thú Học Tiếng Anh

Establishment. In 1999: FPT thành lập

Năm 1999

Establishment FPT-U: Tổ Chức FPTU

Thuận Tiện, Thoả lời

Lời đề nghị, Cần Hỏi

Hứng thú, Mối quan tâm, Lắp

Cơ sở, Thiết lập, Tổ chức

Chính phủ

Đáp: Cung Hỏi.

Thi Hành, Thiết Khai

Cung Cấp

Giải thích.

Kế hoạch

Cài đặt

Convience

propose

Interest

establishment

govement

loise

Implement

accomodate

provide / supply

explain

plan

plant

Convience store: Thuận tiện

Đề nghị Cửa Hàng Tiện lợi

I propose you: Tôi Cần Hỏi Bạn

quan tâm

I Interest learning English: Tôi Hứng thú học Tiếng Anh

Hứng thú

FPT: Establishment. In 1999: FPT thiết lập Năm 1999

Establishment FPT-U: Tổ Chức FPT U

order : ra lệnh, đặt (hàng)

Submit : Nộp (bài), đệ trình.

document : tài liệu.

deliver : phân phát. (giao hàng)

raise : nêu lên, đặt câu hỏi.

Implement : thi hành.

receive : nhận, ~~recep~~ recept hoá đơn

Write : Viết.

notify : thông báo, notification

Introduce : giới thiệu

Work : Việc làm.

accommodate : cung cấp, có khả năng cung cấp.

explan : giải thích.

choose : chọn lựa, choice.

Acce

~~Acc~~ apolo

ask

~~Convenio~~

Convenie

propose

employ

attend

Contact

visit

agree

need

Interest

aplice

establishm

partnership

Director

government.

order : ra lệnh, đặt (hàng)

Submid : Nộp (bài), đệ trình.

document : tài liệu.

deliver : phân phát. (giao hàng)

raise : nêu lên, đặt câu hỏi.

Implement : thi hành.

receive : nhận, ~~recp~~ recept (tiếp đón)

write : Viết.

notify : Thông báo, notification

Introduce : giới thiệu

work : Việc làm.

accommodate : Cung cấp, có khả năng cung cấp.

explan : giải thích.

choose : chọn lựa, choice.

Convience — Thuận Tiện, Tiện lợi

propose — Lời đề nghị, Cầu Hôn

Interest — Hứng thú, Mối quan Tâm, Lãi

establishment — Cơ sở, Thiết Lập, Tổ chức

govement — Chính phủ

raise — Đặc Cầu Hôn.

Implement — Thi Hành, Thiển Khai

accomodate — Cung Cấp

provide, supply — Cung Cấp

explain — Giải thích.

plan — Kế hoạch

plant — Cái Cây

Convience store : Thuận tiện Cửa Hàng Tiện lợi

I propose you : Tôi Cầu Hôn Bạn

I Interest learning English. : Tôi Hứng thú Học Tiếng Anh

FPT: Establishment. In 1999 : FPT thành lập Năm 1999

Establishment FPT-U : Tổ Chức FPTU

Convience

propose

Interest.

establishment

govement.

rise.

Implement:

accomodate

provide, supply.

explain

plan

plant.

Thuận tiện, Tiện lợi

Đề nghị / Đề xuất

Hứng thú / Mối quan tâm

Cơ sở, Thiết lập, Tổ chức

Chính phủ

Đặt câu hỏi

Thi hành, Thiên khiển

Cung cấp

Giải thích

Kế hoạch

Cái cây

Convience store: Thuận tiện

Đề nghị

Propose you: Tôi Đề Cử Hàng Tiện lợi

Interest: quan tâm

Learning English: Tôi Hứng thú Học Tiếng Anh

Establishment. In 1999: FPT thành lập Năm 1999

Establishment FPT-U: Tổ Chức FPTU

Convience	Thuận Tiện, Thuận lợi
propose	Đề nghị, Cầu Hôn
Interest	Hứng thú, Mối quan Tâm, Lãi
establishment	Cơ sở, Thiết Lập, Tổ chức
govement	Chính phủ
raise	Đặt Câu Hỏi
Implement	Thi Hành, Triển Khai
accomodate	Cung Cấp
provide, supply	
explain	Giải thích
plan	Kế hoạch
plant	Cái Cây

Convience store : ~~Thuận tiện~~ Cửa Hàng Tiện lợi

Đề nghị

I propose you : Tôi Cầu Hôn Bạn

quan tâm

I interest learning English : Tôi Hứng thú Học Tiếng Anh

Hứng Thú

FPT : Establishment . In 1999 : FPT thành lập Năm 1999

Establishment FPT U : Tổ Chức FPT U

Convience — Thuận Tiện, Tiện lợi

propose — Lời đề nghị, Cầu Hôn

Interest — Hứng thú, Mối quan Tâm, Lãi

establishment — Cơ Sở, Thiết Lập, Tổ Chức

govement — Chính phủ

raise — Đặc Cầu Hỏi.

Implement — Thi Hành, Thiển Khai

accomodate — Cung Cấp

provide, supply — Giải thích.

explain — Kế hoạch

plan — Cài Cắm

plant.

Convience store : ~~Thuận tiện~~ Cửa Hàng Tiện lợi

đề nghị — Propose you : Tôi Cầu Hôn Bạn

quan tâm — Interest learning English : Tôi Hứng thú Học Tiếng Anh

Hứng Thú

FPT : Establishment . In 1999 : FPT thành lập Năm 1999

Establishment FPT-U : Tổ Chức FPT U